TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tiến Mãn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo
Ông Bùi Đức Hạnh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang T - Sinh năm 1987.
Địa chỉ: Tổ 11, phường S, thị xã K, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Chị Phạm Thị Q - Sinh năm 1987.
Địa chỉ: Đội 1, xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định.
Tại phiên tòa: Vắng mặt anh T, chị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Quang T trình bày: Anh kết hôn với chị Phạm Thị Q vào ngày 14/10/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã K, tỉnh Gia Lai; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Vợ chồng đã nhiều lần xảy ra va chạm, xúc phạm nhau. Từ tháng 12/2011 chị Q đã tự về nhà bố mẹ đẻ ở xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định để sinh sống, anh chị đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang T xác định không có gì liên quan với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho chị Q và tiến hành báo gọi nhiều lần nhưng chị Q không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã làm việc với bà Đỗ Thị A là mẹ đẻ của chị Q được biết: Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Quang T lấy nhau có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn, vợ chồng anh T chị Q chung sống được khoảng hai tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, từ cuối năm 2011 chị Q đã về sinh sống tại gia đình bà A ở xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định. Anh T làm đơn ly hôn, chị Q cũng biết và có quan điểm đồng ý với việc xin ly hôn của anh T. Giữa anh T và chị Q không có con chung, hiện nay chị Q có một con riêng tên Phạm Hải A1 - Sinh ngày 27/7/2012. Tài sản chung, nợ chung không có; các văn bản Tòa án gửi cho chị Q, chị Q đều nhận được.

Đại diện địa phương cho biết: Chị Q có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định. Chị Q làm nghề tự do, nhưng vẫn thường xuyên sinh sống tại gia đình bà Đỗ Thị A.

Anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải mà chỉ tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt và tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi kết hôn anh T và chị Q chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do kinh tế khó khăn và tính tình quan điểm sống không hợp nhau, anh T và chị Q sông ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Vì vậy, đề nghị áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình giải quyết để anh T được ly hôn với chị Q. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Quang T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt với những lý do chính đáng. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng một cách hợp lệ, nhưng chị Phạm Thị Q không đến Tòa án làm việc và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Do không tiền hành hòa giải được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Để mở lại phiên tòa này, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ, hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai nhưng chị Q vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Quang T và chị Phạm Thị Q được xác lập vào ngày 14 tháng 10 năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã K, tỉnh Gia Lai là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn dẫn đến xảy ra va chạm, bất đồng. Chị Q đã về nhà mẹ đẻ là bà Đỗ Thị A trú tại Đội 1, xã P, huyện Y, tỉnh Nam Đinh sinh sống và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng với anh T từ tháng 12 năm 2011 cho đến nay. Chị Q biết được việc anh T gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn, nhưng chị Q cố tình không đến Tòa án để làm việc. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T; xử cho anh, chị ly hôn là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh T xác định anh và chị Q không có con chung; bà Đỗ Thị A có lời khai cho biết chị Q và anh T không có con chung.

[4]. Tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Quang T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Quang T và chị Phạm Thị Q.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Quang T và chị Phạm Thị Q không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Nguyễn Quang T phải nộp là 300.000đ. Đối trừ với số tiền 300.000đ anh T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2012/08535, ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Anh Nguyễn Quang T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyễn Quang T và chị Phạm Thị Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Tiến Mãn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND phường S, thị xã K, tỉnh Gia Lai;
- Lưu: HS, VP.